| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 90/2019/HSST
Ngày: 09/7/2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN - THÁI NGUYÊN**
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Văn Duẩn

2. Ông Nguyễn Hồng Hà

**Thư ký Toà án:** Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà**: Ông Dương Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 98/2019/TLST - HS ngày 11/6/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXX ngày 24/6/2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Quốc T**

Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1988.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm Mãn Chiêm, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Trần Văn T, sinh năm 1962 và con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1969, cả hai trú tại xóm Mãn Chiêm, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Bị cáo có 02 anh em, T là thứ nhất; có vợ là Hà Thị Thanh L, sinh năm 1992, vợ chồng có 02 con chung (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: Không. (theo danh bản, chỉ bản số 258 do Công an thị xã Phổ Yên lập ngày 16/4/2019).

Biện pháp ngăn chặn: Trần Quốc T bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ, lưu giam Công an thị xã Phổ Yên.

(Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:**

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1962

ĐKHKTT: Xóm Mãn Chiêm, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm Mãn Chiêm, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Người được bà N ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Văn T, sinh năm 1962

(Văn bản ủy quyền lập ngày 27/5/2019)

Có mặt ông Tạo tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Hà Thị H, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

ĐKHKTT: Xóm 1, Nguyễn Hậu, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

***Người làm chứng:**

Anh Trần Văn N, sinh năm 1991 (Có mặt)

TQ: Xóm Mãn Chiêm, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 09 giờ ngày 12/02/2019, T lên nhà bố, mẹ đẻ là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N trú tại xóm Mãn Chiêm, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, để nấu ăn và tắm rửa, nhưng không thấy có ai ở nhà. Khi ăn uống, tắm rửa xong, T nằm xem ti vi, nhìn thấy két sắt đặt trong buồng ngủ của bố mẹ T đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong két sắt. T đi xuống xưởng gỗ của gia đình lấy chiếc xà beng dài khoảng 1,5m (một đầu vát, một đầu nhọn) là dụng cụ làm mộc của ông T đem vào trong buồng ngủ của bố mẹ nơi để két sắt, dùng xà beng chọc vào khe cửa két rồi bẩy khoảng 02 cái, cánh cửa két bung ra, khi phá được cửa két vẫn còn một ngăn nhỏ có khóa, T lại tiếp tục dùng xà beng để cậy cánh cửa phát hiện bên trong có 02 bó tiền gồm: một bó là các tờ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 10.000đ, 20.000đ được bó bằng dây nịt; một bó gồm các tờ tiền ngân hàng Nhà nước Việt nam mệnh giá 500.000đ được bó bằng dây chun nịt và một số đồ vật giấy tờ khác. T đã lấy toàn bộ 02 cục tiền trong két cho vào túi quần, để chiếc xà beng vào gầm giường rồi bỏ đi. Trước khi bỏ đi, T lấy giấy viết lại cho bố mẹ nói xin lỗi vì không còn cách nào khác, mục đích lấy tiền để đi chuộc con gái riêng của T. Sau khi trộm cắp được tiền, T đi ra quầy bán điện thoại ở cổng khu công nghiệp Điềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên bỏ ra đếm được tổng số tiền là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng), T sử dụng tiền để mua 01 chiếc điện thoại di động Iphone trị giá 4.800.000đ, sau đó đi lên khu vực cổng trường Luyện Kim thuộc Lương Sơn, thành phố Sông Công, Thái Nguyên mua 01 chiếc xe máy hiệu Wave α

hết 12.500.000đ (thuộc cửa hàng xe máy C - T) để lấy phương tiện đi lại tìm con, tiếp đó T lên chợ Dốc Hanh, Gang Thép mua thêm 02 quần dài, 02 áo phông hết 500.000đ, chuyển khoản vào cho chị Hà Thị H (sinh năm 1997, trú tại xóm 1, Nguyễn Hậu, Tiên Phong, Phổ Yên, người yêu cũ của T) 2.000.000đ, số còn lại chi tiêu cá nhân hết. Sau khi tiêu hết tiền, T quay lại nơi mua xe máy và điện thoại bán xe mô tô và điện thoại đi để lấy tiền chi tiêu. Ngày 11/4/2019, Trọng đến nhà chị hà Thị Huệ để tìm H nhưng không thấy, T đã mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave, Biển kiểm soát 20H1 – 289.93 của chị H rồi cùng Hà Mạnh C (sinh ngày 13/4/2007, trú tại xóm Đông Đoài, xã Tiên Phong, Phổ Yên, em trai của H) đi tìm H, sau đó cầm cố chiếc xe mô tô của chị H lấy 3.000.000đ chơi game và chi tiêu cá nhân.

Do T đã nhiều lần trộm cắp tài sản của gia đình nên ngày 13/02/2019, ông T đã làm đơn trình báo cơ quan Công an thị xã Phổ Yên đề nghị xử lý hành vi trộm cắp tài sản và hủy hoại két sắt của T theo quy định của pháp luật. Đến ngày 12/4/2019, T bị Cơ quan điều tra triệu tập, bắt giữ.

Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Vật chứng: 01 két sắt, 01 chiếc xà beng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng thuộc Cơ quan THA và HTTP Công an thị xã Phổ Yên.

Về dân sự: Người bị hại ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị N cũng là bố mẹ đẻ bị cáo không yêu cầu T phải hoàn trả số tiền 42.000.000đ và bồi thường chiếc két sắt T có hành vi làm hư hỏng.

Số tiền Trọng chuyển khoản cho chị H 2000.000đ, nhưng T đã cầm cố chiếc xe của chị H được 3.000.000đ để chi tiêu, cả chị H và T không ai yêu cầu phải hoàn trả tài sản cho nhau.

Để có cơ sở xử lý hành vi hủy hoại tài sản của T, ngày 22/5/2019 CQCSĐT Công an thị xã Phổ Yên ra yêu cầu định giá tài sản số 57/CSĐT để yêu cầu định giá chiếc két sắt của gia đình ông T do bị phá hủy

Tại kết luận định giá tài sản số 48/CSĐT ngày 23/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Phổ Yên, kết luận: "*Giá trị chiếc két sắt nhãn hiệu VIETTIEP COMPANY, side K50 (két đã qua sử dụng, tại thời điểm trước khi bị hủy hoại); có giá 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).*

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số: 96/KSĐT ngày 11/6/2019 của VKS nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố Trần Quốc T về tội **"**Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

***Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:***

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Trần Quốc T tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng.

Nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự

Các tình tiết giảm nhẹ được hưởng: điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Tình tiết tăng nặng: Không phải chịu.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T đã phạm tội Trộm cắp tài sản

*Hình phạt chính: Đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 - 30 tháng tù

*Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

*Về TNDS: Ghi nhận sự bị hại không yêu cầu bồi thương số tiền chiếm đoạt

* Vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 48 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 01 két sắt đã qua sử dụng bị cậy bung cửa; 01 xà beng.

*Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của của bị cáo: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận, đề nghị Toà án cho hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Ý kiến của người bị hại Nhất trí với luận tội của đại diện VKS, không có ý kiến tranh luận.

Kết thúc phần tranh tụng bị cáo, người bị hại, đại diện VKS thị xã Phổ Yên không đưa ra quan điểm đối đáp tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin HĐXX cho được hưởng mức án thấp nhất để có cơ hốiửa chữa lỗi lầm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1]. Thủ tục tố tụng:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp;

- Tại phiên tòa, vắng mặt người liên quan chị Hà Thị H, nhưng trước đó đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng

hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Quốc T giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung gì thêm, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại là bố mẹ đẻ bị cáo; kết quả thực nghiệm điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Trần Quốc T được bố, mẹ đẻ là ông Trần Văn T (sinh năm 1962) và bà Nguyễn Thị N (Sinh năm 1969) cùng trú tại xóm Mãn Chiêm, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên cho ra ăn ở riêng tại dãy nhà trọ nằm trong khuôn viên đất ở của gia đình thuộc xóm Mãn Chiêm, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên. Do bản thân không có công ăn việc làm, không có nghề nghiệp, vợ đã ly thân nên T thường về nhà bố mẹ đẻ ăn ở. Khoảng 09 giờ ngày 12/02/2019, T lên nhà bố, mẹ để nấu ăn và tắm rửa. Không thấy có ai ở nhà, khi đã ăn uống, tắm rửa xong, T nằm xem ti vi và nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong két sắt và thực hiện chót lọt phá két lấy trộm 02 cộc tiền gồm 42.000.000đ để chi tiêu cá nhân hết. Sau khi đi lang thang ngày 16/02/2019 Trọng đã hối lỗi hành vi của mình nên đã nhắn tin trên ứng dụng Zalo cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N và chị Hà Thị H (là người yêu của T) thừa nhận đã lấy trộm tiền trong két sắt của gia đình. Khi bị bắt giữ, Trọng hoàn toàn thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và mong được gia đình cũng như pháp luật lượng thứ.

Để có căn cứ xác định giá trị thiệt hại CQĐT Công an thị xã Phổ Yên đã ra yêu cầu định giá số 57/CSĐT ngày 22/5/2019 đối với tài sản thiệt hại theo đơn trình báo của ông T là chiếc két sắt bị T phá hủy.

Tại kết luận định giá tài sản số 48 ngày 23/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Phổ Yên, kết luận: "*Giá trị chiếc két sắt nhãn hiệu VIETTIEP COMPANY, side K50 (két đã qua sử dụng, tại thời điểm trước khi bị hủy hoại); có giá 750.000đ (Bẩy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).*

Do giá trị tài sản có giá trị thấp chưa đủ căn cứ để truy cứu TNHS về hành vi hủy hoại tài sản nên Công an thị xã Phổ Yên đã ra quyết định xử phạt hành chính tại Quyết định số 0105899 ngày 04/6/2019 đối với T về hành vi *Hủy hoại tài sản.bằng hình thức phạt tiền mức phạt 3.500.000đ.*

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Quốc T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Cụ thể nội dung khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như sau:

*"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."*

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ, đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

*Về các tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

*Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định tại Điều 52 BLHS.

[4]. HĐXX nhận định về hình phạt cần áp dụng: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trưởng thành, nhận thức đầy đủ hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người bị hại cũng là người thân của bị cáo để lén lút trộm cắp tài sản nhằm mục đích phục vụ chi tiêu cá nhân. Ngoài hành vi trộm cắp bị cáo còn có hành vi hủy hoại chiếc két sắt của gia đình. Tuy nhiên, căn cứ vào giá trị do HĐĐG tài sản xác định có giá tị thấp, mục đích phá hủy két cũng chỉ nhằm chiếm đoạt tài sản nên hành vi phá hủy két sắt của bị cáo đã bị xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại Nghị định 167/2013 của Chính phủ là thỏa đáng. Về hành vi chiếm đoạt tiền cần phải xử phạt nghiêm minh bằng hình phạt tù có thời hạn đối với T một thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

[6] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án: Quá trình điều tra có thu giữ 01 két sắt đã bị cậy bung cửa; 01 xà beng.Tại phiên tòa người bị hại ông T xác định đều là tài sản của gia

đình, ông không có ý kiến xin trả lại mà đề nghị HĐXX tuyên hủy theo quy định. Do đó, chấp nhận đề nghị của người bị hại, do tài sản bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy.

[9] Các vấn đề khác: Về số tiền trộm cắp được, T chuyển khoản cho chị H 2.000.000đ, nhưng do T mượn xe mô tô của chị H đi cầm cố nên chị H đã sử dụng số tiền này và bỏ thêm 2.000.000đ để chuộc xe về. Đến nay chị không có khả năng nộp lại số tiền trên và cũng không yêu cầu, đề nghị gì về hành vi lấy chiếc xe mô tô của T. Do đó, HĐXX không đề cập.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

## QUYẾT ĐỊNH

**1.Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo **Trần Quốc T** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

**2.Về hình phạt:**

* *Hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Quốc T 24** (Hai mươi bốn) tháng tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/4/2019

Căn cứ Điều 329 BLTTHS quyết định tạm giam bị cáo Trần Quốc Trọng 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

**Về hình phạt bổ sung:* Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Xác nhận Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

**4. Xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp COMPANY, size 50 kg, đã qua sử dụng, đã bị cậy bung cánh; 01 chiếc xà beng màu đen, đã qua sử dụng.

*(Tình trạng vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 26/6/2019 giữa Công an thị xã Phổ Yên và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên).*

**5. Án phí:** Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015**,** điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Quốc T phải chịu 200.000đ án phí HSST nộp ngân sách Nhà nước.

**6. Quyền kháng cáo*:*** Áp dụng Điều 331, 332, 333 BLTTHS

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại (ông T) tại phiên tòa. Bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người liên quan chị H tại phiên tòa. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- VKS nhân dân thị xã Phổ yên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Thi hành án thị xã Phổ Yên;
- Bị cáo; Trại tạm giam Công an thị xã PY;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**(Giải thích chế định án treo tại Điều 60 BLHS cho bị cáo, đại diện bị cáo)**

Theo quy định của khoản 5 Điều 60 BLHS năm 1999 và Nghị Quyết 01/2013 củ HĐTP Tòa án nhân dân tối cáo hướng dân, thì người được hưởng án treo phải tuân thủ thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, trong thời gian thử thách nếu phạm tội mới, thì Toà án quyết định buộc họ phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo Điều 51 BLHS,